

Toán 4

Bài 13

Làm tròn số đến hàng trăm nghìn

(Trang 45)



Yêu cầu cần đạt

*** Năng lực đặc thù:**

- **Biết làm tròn số và làm tròn được số đến hàng trăm nghìn.**
- **Vận dụng được làm tròn số và một số tình huống thực tế đơn giản.**

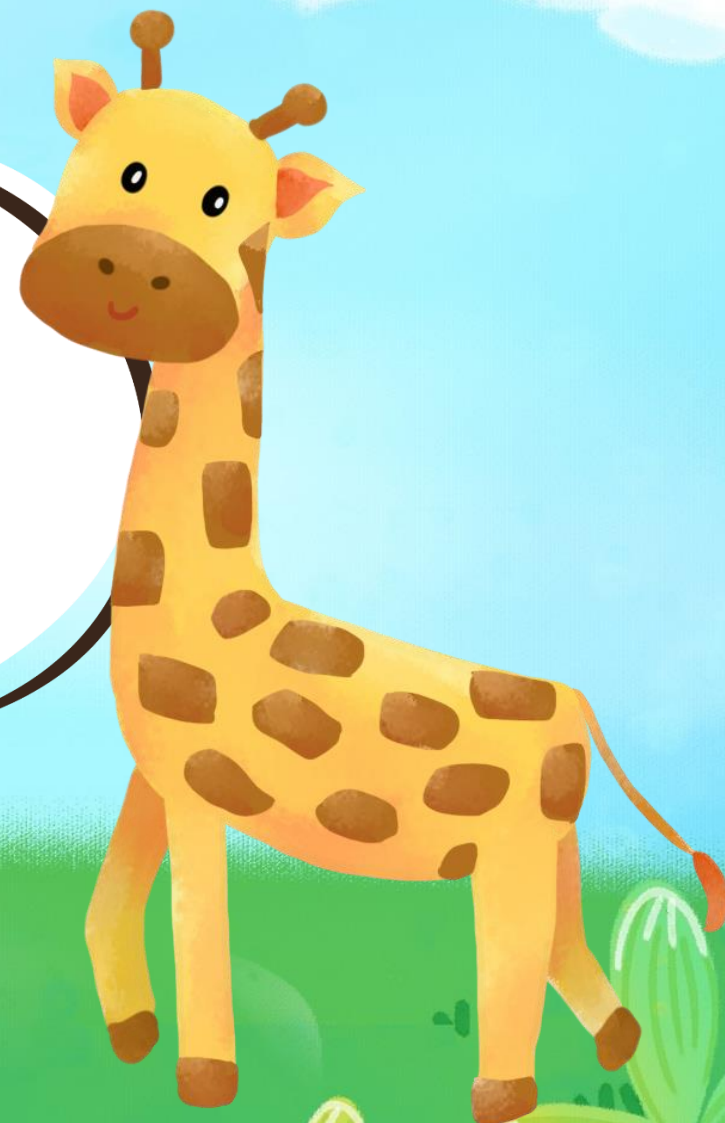
*** Năng lực chung:** Năng lực ước lượng thông qua các bài toán ước lượng số.

- **Năng lực giải quyết vấn đề khi áp dụng yêu cầu làm tròn số vào các bài toán thực tế.**

*** Phẩm chất:** Chăm chỉ, trách nhiệm.

1

KHỞI ĐỘNG



Câu 1. Số “*Mười lăm triệu không trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm bảy mươi tám*” được viết là:

A

1 535 478



B

15 035 478



C

15 35 478



D

15 305 478



Câu 2. Số **15 035 478** có hàng trăm nghìn
là chữ số nào ?

A

1



B

5



C

3



D

0



Câu 3. Số **15 035 478** gồm mấy lớp?



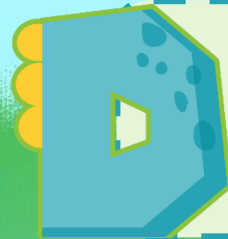
1 lớp



2 lớp



3 lớp



4 lớp



2

KHÁM PHÁ



Phóng viên và Rô-bốt báo cáo về số lượng xe máy được bán ra của công ty A vào năm 2020.



Phóng viên cho biết số lượng xe máy bán ra là bao nhiêu?



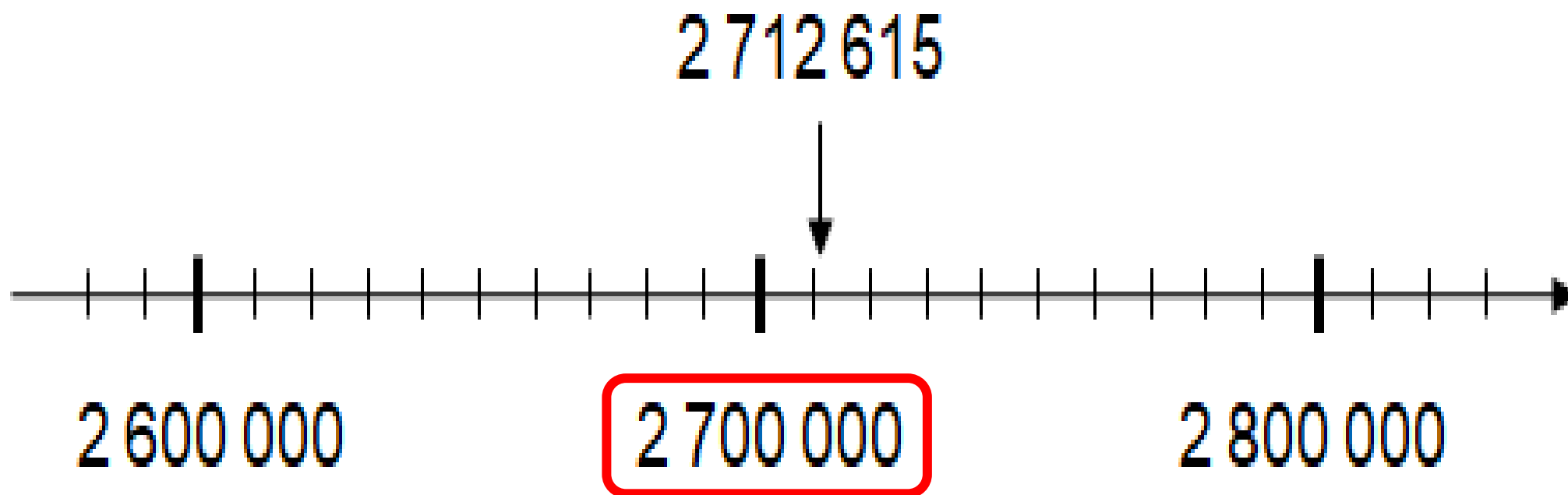
Rô-bốt cho biết số lượng xe máy bán ra là bao nhiêu?



Hai số trên giống và khác nhau ở điểm nào?



Trên tia số, số 2 712 615 gần số 2 700 000 hơn hay gần số 2 800 000 hơn?



Vậy khi làm tròn số 2 712 615 đến hàng trăm nghìn thì được số 2 700 000.

KẾT LUẬN

Khi làm tròn số đến hàng trăm nghìn, ta so sánh chữ số hàng chục nghìn với 5. Nếu chữ số so sánh bé hơn 5 thì làm tròn xuống, còn lại thì là tròn lên.

3

HOẠT ĐỘNG



1

Làm tròn giá tiền các mặt hàng sau đến hàng trăm nghìn.



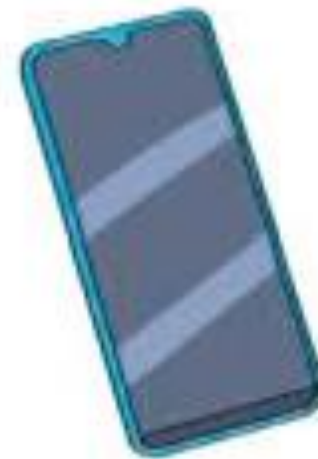
18 490 000 đồng

18 500 000 đồng



2 125 000 đồng

2 100 000 đồng



2 890 000 đồng

2 900 000 đồng

2 a) Chữ số 5 ở mỗi số sau thuộc hàng nào, lớp nào?

189 835 388

5 122 381

531 278 000

b) Hãy làm tròn các số trên đến hàng chục nghìn.

2 a) Chữ số 5 ở mỗi số sau thuộc hàng nào, lớp nào?

189 83**5** 388

5 122 381

531 278 000

Hàng nghìn
Lớp nghìn

Hàng triệu
Lớp triệu

Hàng trăm triệu
Lớp triệu

2 b) Hãy làm tròn các số trên đến hàng chục nghìn.

189 8**35** 388

5 1**22** 381

531 2**78** 000

189 8**40** 388

5 1**20** 381

531 2**80** 000

3 Bảng số liệu dưới đây cho biết số xe máy bán ra mỗi năm từ năm 2016 tới năm 2019 của một công ty. Làm tròn số xe máy bán ra mỗi năm đến hàng trăm nghìn.

Năm	2016	2017	2018	2019
Số lượng	3 121 023	3 272 353	3 386 097	3 254 964

3 Bảng số liệu dưới đây cho biết số xe máy bán ra mỗi năm từ năm 2016 tới năm 2019 của một công ty. Làm tròn số xe máy bán ra mỗi năm đến **hàng trăm nghìn**.

Năm	2016	2017	2018	2019
Số lượng	3 100 000	3 300 000	3 400 000	3 300 000

4

LUYỆN TẬP



1

Làm tròn số dân (theo Niên giám thống kê năm 2020) của mỗi tỉnh dưới đây đến **hàng trăm nghìn**.



Bà Rịa – Vũng Tàu

1 167 900 người



Nghệ An

3 365 200 người



Hải Dương

1 916 800 người

1

Làm tròn số dân (theo Niên giám thống kê năm 2020) của mỗi tỉnh dưới đây đến hàng trăm nghìn.



Bà Rịa – Vũng Tàu

1 200 000 người



Nghệ An

3 400 000 người



Hải Dương

1 900 000 người

2 *Chọn câu trả lời đúng.*

Số nào dưới đây làm tròn đến hàng trăm nghìn thì được **hai trăm nghìn**?



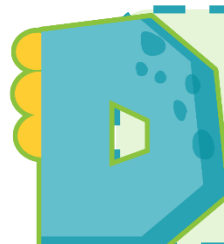
149 000



190 001



250 001



284 910





KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

DẶn dò

- Ôn tập kiến thức đã học.
- Hoàn thành bài tập trong SBT.
- Đọc và chuẩn bị trước Bài 14 – *So sánh các số có nhiều chữ số.*



Toán 4

Chúc các em
học tốt!

